

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BÁO CAO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

a) Thông tin khái quát về công ty

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC (BPWACO)

- Tên giao dịch quốc tế : BINH PHUOC WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800228182 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30/12/2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2019

- Vốn điều lệ đăng ký : 132.038.580.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, năm trăm tám mươi đồng chẵn)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.038.580.000 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, năm trăm tám mươi đồng chẵn)

- Địa chỉ : Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Điện thoại : (0271) 388 7548; Fax: 0271 388 7548

- Website : www.bpwaco.com.vn

- Mã cổ phiếu: BPW

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty : Ông Đỗ Văn Phong - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tiền thân là Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước, được thành lập theo Quyết định số 18/2001/QĐ-UBND ngày 16/3/2001 của UBND tỉnh Bình Phước và chính thức đi vào hoạt động tháng 06/2001. Công ty đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01/01/2009 theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 24/12/2008 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Ngày 23/04/2012, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 774/QĐ-UBNDT về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 28/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 2967/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Ngày 03/02/2016, Công ty tổ chức đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đấu giá như sau:

- + Tổng số lượng cổ phần bán được: 33.100 cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 01/04/2017, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước đã chuyển thành Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 01/04/2017, với số vốn điều lệ là 107.720.000.000 đồng.

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22/11/2018 Đại hội đã thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ, đến ngày 15/01/2019 Công ty đã thay đổi giấy phép kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký thay đổi lần thứ 11 điều chỉnh vốn điều lệ lên 132.038.580.000 đồng, nâng số cổ phần của Công ty là 132.038.580 cổ phần.

Qua nhiều năm hoạt động đến nay Công ty đã từng bước xây dựng thành, ổn định và phát triển

Trong những năm qua, Công ty đã liên tục nhận được nhiều thành tích thi đua khen thưởng từ Nhà nước, Chính Phủ nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam, các Bộ ngành và UBND tỉnh Bình Phước tặng thưởng:

Năm 2005: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2006); Bằng khen của Tỉnh ủy (Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 30/05/2006); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 26/01/2006).

Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 11/09/2007); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 14/03/2007).

Năm 2007: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 21/03/2008).

Năm 2008: Bằng khen của UBND tỉnh (Quyết định số 577/QĐ-UBND



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

ngày 11/03/2009); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009).

Năm 2009: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2010).

Năm 2010: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/03/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2011: Huân chương Lao động hạng Ba (Quyết định số 251/QĐ-CTN ngày 28/02/2011 của Chủ tịch nước; Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2012: Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2013: Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 27/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2014: Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy khen của Tổng cục trưởng (Quyết định số 418/QĐ-TCLN-VP ngày 16/9/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp).

Năm 2015: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Bình Phước)

Năm 2016: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

Năm 2018: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12/3/2019).

c) Quá trình tăng vốn kể từ khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần cho đến nay, Công ty đã tăng vốn lần thứ nhất lên 132.038.580.000 đồng theo giấy phép kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 15/01/2019 .

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động cấp nước:

Sản lượng nước sản xuất và nước tiêu thụ trong hai năm gần nhất:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Sản lượng nước sản xuất	M ³	6.995.648	8.765.519
2	Sản lượng nước tiêu thụ	M ³	5.342.334	6.959.822
3	Tỷ lệ hao hụt	%	24	20,6
4	Giá bán nước sạch b/q	Đồng/m ³	9.364	10.038

- Hoạt động lắp đặt đường ống nước và đồng hồ nước:

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Số lượng đồng hồ nước lắp đặt	Cái	2.346	5.107
2	Số hộ dân lắp đặt đồng hồ nước mới năm 2018	Hộ dân	2.007	5.027
3	Số lượng đường ống lắp đặt	m	12.346,74	38.518

Tất cả đường ống và đồng hồ nước Công ty mua đều đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Cụ thể:

- Công ty cổ phần nhựa thiếu niên Tiền Phong: Tiêu chuẩn ISO 1452-2:2009

- Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất (đường ống): Tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007-Plastics piping Systems - Polyethylens (PE) pipes and fittings for water supply.

- Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh (đường ống): Tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008)

b) Địa bàn kinh doanh:

- Trong năm 2017, 2018 Công ty là đơn vị cung cấp nước sạch cho địa bàn Thành phố Đồng Xoài và vùng phụ cận, thị xã Phước Long và KCN Minh Hưng – Hàn Quốc của Tỉnh Bình Phước với tổng sản lượng cung cấp hàng năm bình quân là 6,9 triệu m³, đây cũng là hoạt động chính mang lại 86% doanh thu cho Công ty trong năm 2018.

- Công ty thực hiện thi công hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Đồng Xoài và vùng phụ cận, thị xã Phước Long và KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ bỏ phiếu bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của công ty. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu có cơ sở để Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có).

Ban kiểm soát là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Các phòng ban liên quan.

a) Phòng Hành chính tổ chức

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc công tác tổ chức, cán bộ, nguồn



lực, đào tạo, bảo hộ lao động, bảo vệ nội bộ, công tác hành chính quản trị và công tác tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt cán bộ công ty.

- Quản lý lao động, tiền lương của người lao động Công ty.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cho cán bộ, nhân viên và thi tay nghề công nhân toàn công ty.

- Phối hợp với các đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn, sự cố trong sản xuất phù hợp đặc điểm của Công ty, đơn vị.

- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ theo quy định của pháp luật và Ban Tổng Giám đốc Công ty giao.

- Quản lý các công tác quản trị khác.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu cho Giám đốc điều hành trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối được nguồn thu chi trong toàn bộ Công ty.

- Phân tích kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn vốn của công ty.

- Đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng nguồn vốn, các biện pháp quản lý có hiệu quả nhất.

- Thực hành, quản lý các hoạt động tài chính kế toán khác kịp thời, chính xác và hiệu quả nhất.

- Nghiên cứu, phân tích thị trường hoạt động của Công ty để đưa ra các chiến lược tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc đồng thời lên kế hoạch chi tiết để hiện thực hóa các kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Phòng Kế toán

- Thực hiện các nhiệm vụ tài chính, kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, tổng hợp báo cáo định kỳ với các cơ quan chức năng.

- Lập kế hoạch thanh toán các hợp đồng, các khoản thu chi hàng tháng kịp thời, thực hiện đúng các chế độ thanh toán tiền lương, phụ cấp. Chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính trình Ban Tổng Giám đốc kịp thời, đúng quy định.

- Có trách nhiệm theo dõi, đối chiếu kịp thời công nợ, tích cực đôn đốc, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ. Tham mưu, đề xuất Ban Giám đốc có

biện pháp xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, thu hồi công nợ.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành Quy chế quản lý nợ tại Công ty; Quyết định mức trích lập dự phòng hoặc xoá nợ theo quy định, tránh để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa kéo dài.

d) Phòng Kỹ thuật đầu tư

- Xây dựng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn về khai thác, sản xuất, kinh doanh của Công ty dựa trên các căn cứ pháp lý hiện hành có liên quan;

- Lập và thực hiện công tác vận hành mạng lưới theo quy định phù hợp với khả năng sản xuất, mua nước của Công ty;

- Xây dựng và đề xuất áp dụng các quy định về tiêu chuẩn vật tư, trang thiết bị chuyên ngành cấp nước;

- Xây dựng các quy định kỹ thuật về quản lý, sử dụng, vận hành các loại máy móc, trang thiết bị, phương tiện cơ giới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Quản lý kỹ thuật các đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ tổng tách mạng;

- Nghiên cứu xây dựng và đề xuất việc thực hiện các chương trình, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn lao động

- Vệ sinh lao động đối với người và máy móc thiết bị trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Cập nhật, lưu trữ hồ sơ, sơ đồ hệ thống cấp nước. Hoàn chỉnh sơ đồ cấp nước tổng thể, từ ống phân phối trở lên. Hoàn chỉnh sơ đồ giếng và bãi giếng.

e) Phòng Quản lý chất lượng nước

- Theo dõi, kiểm tra, lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thô, nước đã qua xử lý, nước của từng công đoạn dây chuyền công nghệ trong nhà máy, xí nghiệp, tại trạm bơm tiếp áp, tại mạng truyền dẫn, mạng phân phối, tại các hộ tiêu dùng, vòi nước bể chứa công cộng;

- Tổ chức kiểm tra đôn đốc các nhà máy, trạm sản xuất nhỏ, trạm bơm tăng áp đảm bảo tốt vệ sinh nguồn nước, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh công nghệ xử lý nước;

- Kiểm tra giám sát các đơn vị thực hiện các quy trình công nghệ để đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn hóa lý, vi sinh;

- Luôn nắm bắt kịp thời chất lượng nước và có các biện pháp tức thời khi phát hiện chất lượng nước không đảm bảo tiêu chuẩn cho phép, nhất là trong

những mùa có dịch bệnh;

- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn về chỉ tiêu chất lượng nước, chỉ tiêu vệ sinh môi trường cho từng nhà máy, xí nghiệp, trạm sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn nhà nước, với đặc thù của từng đơn vị trong toàn Công ty.

g) Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

h) Xí nghiệp cấp nước Phước Long

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Phước Long và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

i) Xí nghiệp cấp nước Minh Hưng III

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch cho các Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

k) Xí nghiệp xây lắp:

- Thi công xây lắp, thay thế, sửa chữa, bảo trì các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và công trình dân dụng;

- Thi công, thay thế, bảo trì hệ thống kênh, suối, mương, cống, hồ ga thoát nước mưa, nước thải;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

l) Trung tâm kinh doanh:

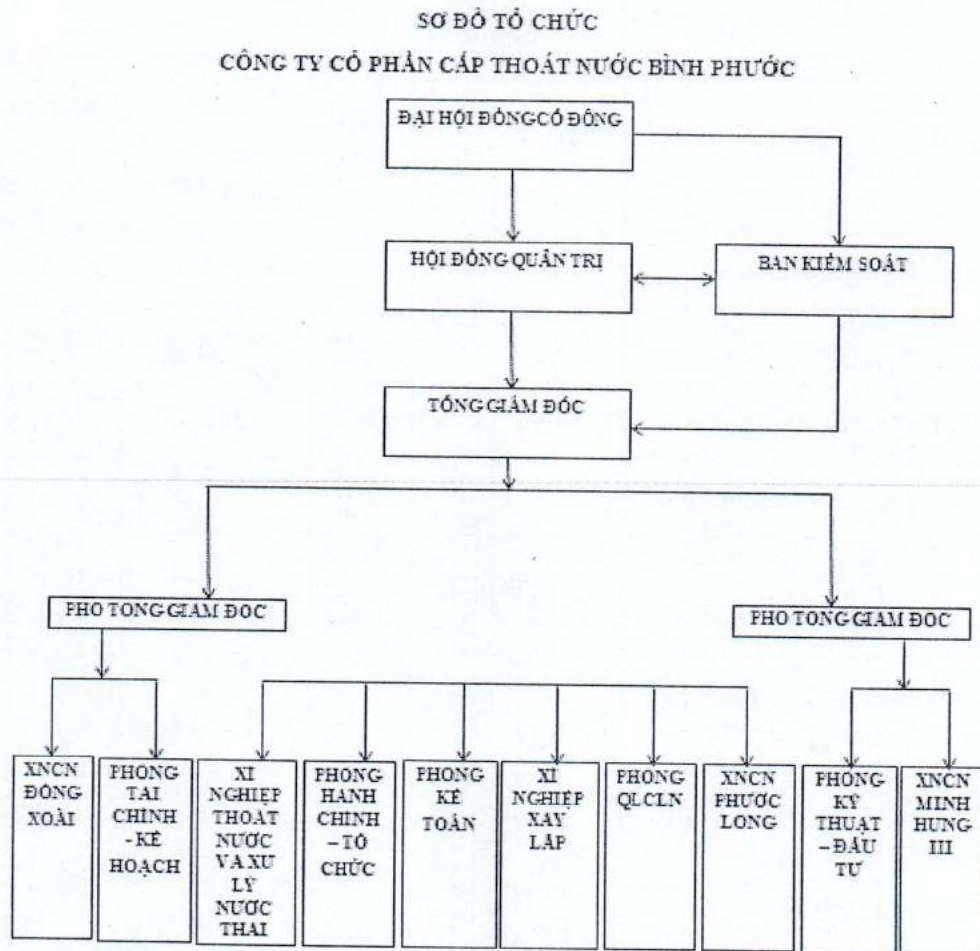
Trung tâm kinh doanh có nhiệm vụ tiếp thị, bán hàng, chăm sóc khách hàng, thông tin khách hàng, lập và hoàn thiện hồ sơ dịch vụ cấp nước cho khách hàng và một số nhiệm vụ liên quan khác do Hội đồng quản trị giao hoặc sửa đổi bổ sung cho phù hợp...

m) Xí nghiệp thoát nước và xử lý nước thải (đã bàn giao cho UBND thành phố Đồng Xoài quản lý và vận hành ngày 01/01/2019)

- Thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải;

- Hoạt động một số công việc khác theo chức năng của Xí nghiệp

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- BPWater luôn coi con người là giá trị cốt lõi quan trọng nhất. Chúng tôi không ngừng tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cộng sự luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng, được hỗ trợ bởi quy trình liên tục cải tiến, được thúc đẩy bởi công nghệ đột phá và luôn phản ứng nhanh với mọi thay đổi, phát triển toàn cầu.

- Dem đến sản phẩm nước sạch cho cuộc sống trên quê hương Bình Phước.

- Nhà cung cấp số một các sản phẩm về nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đến năm 2021 đạt doanh thu trên 85 tỷ đồng, dịch vụ uy tín, chuyên

nghiệp

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch		
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Các chỉ tiêu sản xuất					
1	Nước máy sản xuất	m ³	8.765.519	8.761.000	8.480.017	8.780.126
2	Nước máy thương phẩm	m ³	6.959.822	7.085.000	6.826.600	7.112.290
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	20,6	19	19,5	19
4	Lắp đặt đồng hồ mới	Đồng hồ	5.027	2.000	2.000	1.500
5	Khôi phục khách hàng sử dụng nước	KH	0	2.600	600	500
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	81.236	79.501	80.339	85.304
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	81.149	77.533	77.944	80.812
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	87	1.968	2.395	4.492
4	Nộp NSNN	Triệu đồng	6.367	7.200	7.065	7.635

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Chương trình “Lãnh đạo tiên phong, trên dưới đồng lòng thực hiện thành công các mục tiêu năm 2018”.

- Chương trình Lao động giỏi.

- Chương trình sáng kiến phát triển Công ty.



- Chương trình 5.000 đồng hồ.
- Chương trình giảm thất thoát nước xuống còn 20%.
- Chương trình BPWater “nhanh”.
- Chương trình BPWater “săn lời khen”.
- Chương trình BPWater “Trụ sở là nhà, nhà máy là công viên”.
- Chương trình Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa.
- Chương trình Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Chương trình Chiều thứ 7 tình nguyện.
- Chương trình đấu tranh, phản bác thông tin xấu, độc trên mạng xã hội.
- Chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
- Tiếp tục đồng hành cùng Chương trình chấp cánh ước mơ.
- Chương trình mỗi lao động của BPWater là một tuyên truyền viên.
- Chương trình thi viết về BPWater và ngành nước.
- Chương trình mỗi đơn vị BPWater có 1 tiết mục văn nghệ.
- Chương trình thi tay nghề giỏi.
- Chương trình Huấn luyện nhân sự (nội bộ)
- Chương trình Đào tạo nhân sự kế cận.
- Chương trình xếp hạng nhà thầu.
- Chương trình lấy phiếu tín nhiệm nhân sự cấp trung

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

- Bình Phước có địa hình chủ yếu là đồi núi, mật độ dân cư thưa thớt dẫn đến việc Công ty đầu tư lớn nhưng khả năng thù hồi vốn chậm.

- Hiện tượng biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nước đầu vào, làm tăng chi phí nguyên vật liệu như vôi, phèn, Clo

- Trình độ dân trí còn thấp vì vậy ý thức về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp thoát nước và sử dụng nước sạch còn thấp. Người dân chưa đánh giá đúng về tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch trong sinh hoạt.

- Hiện nay hiện tượng sử dụng nước giếng khoan ở trong dân cư, ở các



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

khu công nghiệp còn nhiều làm ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

- Bình Phước còn là tỉnh nghèo, tốc độ phát triển đô thị hóa còn chậm dẫn đến việc sử dụng nước máy trong dân là còn chủ yếu tự nguyện chứ chưa có chế tài quy định cụ thể ...

- Chưa có sự đầu tư và có chiến lược đầu tư theo chiều sâu cho công tác chăm sóc khách hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Tăng (giảm)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.028.899.468	77.095.689.079	16.044.710.634
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	22.078.977	109.109.086	87,030,109
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.028.899.468	76.986.579.993	15.957.680.525
4	Giá vốn hàng bán	39.113.435.607	47.277.405.772	8.163.970.165
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.915.463.861	29.709.174.221	7.793.710.360
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.849.852.387	3.722.863.753	873.011.366
7	Chi phí tài chính	15.406.179.373	17.431.868.763	2.025.689.390
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>			
8	Chi phí bán hàng	2.666.773.512	7.325.557.249	4.658.783.737
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.239.970.115	9.032.776.342	-207.193.773



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.547.606.752	-358.164.380	2.189.442.372
11	Thu nhập khác	532.275.011	526.681.489	-5.593.522
12	Chi phí khác	807.864.721	81.636.095	-726.228.626
13	Lợi nhuận khác	-275.589.710	445.045.394	720.635.104
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-2.823.196.462	86.881.014	2.910.077.476
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	159.117.309	-	-159.117.309
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-2.982.313.771	86.881.014	3.069.194.785
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 cho thấy, tổng doanh thu năm 2018 tăng 26% so với tổng doanh thu 2017 là 16.825 triệu đồng, trong khi đó tổng chi phí năm 2018 lại tăng cao hơn so với 2017 là 20%, tốc độ tăng trưởng doanh thu tăng cao hơn tốc độ tăng chi phí so với cùng kỳ dẫn nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đã có lãi; Trong đó, tốc độ tăng của giá vốn là 20%, chi phí tài chính tăng 13%, Chi phí bán hàng tăng 175% (do phần điều chỉnh phân bổ chi phí các đường ống trục trong quý 3/2018), chi phí QLDN giảm 2%, trong khi doanh thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ tăng 26%, doanh thu tài chính tăng 30% dẫn đến lỗ từ hoạt động sản xuất chính năm 2018 giảm xuống còn 358 triệu đồng, tăng so với năm 2017 là 86%. Mặt khác hoạt động khác năm 2018 lãi là 445 triệu đồng tăng so với 2017 là 161% đã góp phần làm hoạt động SXKD năm 2018 giảm lỗ và đã có lãi là 87 triệu đồng tăng so với năm 2017 103%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	6,800,000	6,959,822	102



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	20	20,6	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	74.900	81.236	108
Trong đó: Doanh thu hoạt động sản xuất nước		Tr.đồng			
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	79.000	81.149	102
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	(4.100)	87	202
6	Nộp NSNN	Tr.đồng	5.300	6.367	140

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty đều vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/4/2018.

Để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng như trên là do trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành tốt chương trình 5.000 đồng hồ, tăng khách hàng sử dụng nước máy, làm tăng sản lượng nước thương phẩm, tăng doanh, góp phần làm giảm lỗ và bước đầu đã có lãi. Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng. Đồng thời, chất lượng nước trong năm qua cũng rất ổn định, việc điều tiết áp lực nước cho các khu vực được thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Tỷ lệ hao hụt kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông qua là 20%, thực hiện đạt 20,6%. Mặc dù tỷ lệ hao hụt toàn Công ty là đạt kế hoạch đề ra song đối với Xí nghiệp cấp nước Phước Long, tỷ lệ hao hụt còn cao, đây cũng là nguyên nhân làm cho tỷ lệ thất thoát toàn Công ty vẫn còn ở mức 20,6%.

Mặt khác, để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro trong công tác thu tiền. Đặc biệt việc áp dụng hóa đơn điện tử, ghi thu nước bằng Smartphone đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ghi thu, quản lý công nợ do đó mà công tác thu tiền luôn đạt hiệu quả, tỷ lệ thực thu luôn đạt ở tỷ lệ cao (bình quân trên 98%)

Năm 2018, Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao và kết quả sản xuất kinh doanh đã giảm lỗ và bước đầu có lãi. Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 là



lỗ 4.100 triệu đồng; thực hiện lãi 87 triệu đồng đạt 202 % so với kế hoạch được giao tại Đại hội đồng thường niên 2018. Đây là dấu hiệu đáng mừng về những nỗ lực phấn đấu, đoàn kết đồng lòng của tập thể người lao động Công ty trong vượt qua những khó khăn trước mắt để phát triển, việc cổ phần hóa cũng là một cơ hội, động lực góp phần tạo sức cạnh tranh, phát triển của Công ty.

c) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm liền kề

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	690.638.687.298	688.557.430.613	(2.081.256.685)
Doanh thu thuần	61.028.899.468	76.986.579.993	15.957.680.525
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.547.606.752)	(358.164.380)	2.189.442.372
Lợi nhuận khác	(275.589.710)	445.045.394	720.635.104
Lợi nhuận trước thuế	(2.823.196.462)	86.881.014	2.910.077.476
Lợi nhuận sau thuế	(2.982.313.771)	86.881.014	3.069.194.785
Quỹ lương VCQL	890.220.000	1.229.880.000	339.660.000

Từ số liệu trên cho thấy, các chỉ tiêu năm 2018 đều tăng so với 2017:

- Doanh thu 2018 tăng so với năm 2017 là 15.917 triệu đồng, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 2.189 triệu đồng bên cạnh đó lợi nhuận khác cũng tăng 720 triệu đồng theo đó năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh đã có lãi 87 triệu đồng, tăng so với năm 2017 là 2.910 triệu đồng

Có được kết quả trên nguyên nhân chính là việc thực hiện tốt chương trình 5.000 đồng hồ năm 2018 (phát triển được 5.027 khách hàng mới) đã tăng doanh thu lắp đặt, tăng sản lượng nước làm tăng doanh thu nước, góp phần làm giảm lỗ.

Cùng sự nỗ lực của người lao động và sự chỉ đạo sâu sát, mạnh dạn, dám nghĩ dám làm của Ban lãnh đạo đã chỉ đạo phải thường xuyên đảm bảo chất lượng, sản lượng nước cung cấp cho khách hàng, đồng thời mở rộng vùng cấp nước trong có các khu công nghiệp. Vì vậy mà các khách hàng tại các khu công nghiệp yên tâm sử dụng nước của Công ty. Đó cũng là nguyên nhân làm



tăng sản lượng, doanh thu nước, góp phần làm giảm lỗ và đã có lãi.

- Tổng tài sản năm 2018 giảm 2.081 triệu đồng so với 2017 gồm: Tài sản ngắn hạn năm 2018 giảm 13.187 triệu đồng, tài sản dài hạn tăng 11.106 triệu đồng so với năm 2017.

- Quỹ tiền lương, thù lao người quản lý năm 2018 tăng so với năm 2017 là 340 triệu đồng, nguyên nhân Quỹ tiền lương người quản lý năm 2017 được tính 9 tháng (từ tháng 4-12/2017) là 890 triệu đồng, năm 2018 quỹ tiền lương người quản lý được tính 12 tháng (trong đó tính thêm phần thù lao của thư ký HĐQT) với tổng số tiền là 1.230 triệu đồng

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

2.1.1. Hội đồng quản trị

ST T	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Đỗ Văn Phong	Chủ tịch	Thành viên HĐQT điều hành
2	Huỳnh Văn Lâm	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
3	Trần Ngọc Nguyên	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
4	Phạm Thị Loan	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
5	Phan Huỳnh Tấn Hoàng	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành

a) Ông Đỗ Văn Phong : Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Văn Phong			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hải Phòng
Ngày/tháng/năm sinh	24/12/1966	Địa chỉ thường trú	Tổ 3 - KP Suối Đá - Phường Tân Xuân - Thị xã Đông Xoài - Tỉnh Bình Phước



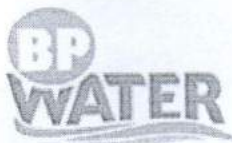
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285039454	Cấp ngày 10/5/2010 tại Bình Phước
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế		

Quá trình công tác:

- Từ 01/1989 - 06/1997: Nhân viên Phòng Kế hoạch Lâm trường Đồng Xoài.
- Từ 07/1997 - 06/2001: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tổ chức Ban Quản lý rừng Kinh tế Tân Lập.
- Từ 07/2001 - 12/2007: Kế toán trưởng Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Phước.
- Từ 01/2008 đến 04/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.
- Từ tháng 04/2017 – 22/11/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước.
- Từ 22/11/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	7.225.398,7 /11.115.998 cổ phần (chiếm 65%)
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2018	10.000 cổ phần (chiếm 0.0076% VDL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao theo quy định của Công ty	Theo quy định của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Huỳnh Văn Lâm : Thành viên HĐQT

Ông Huỳnh Văn Lâm			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày/tháng/năm sinh	30/03/1983	Địa chỉ thường trú	Tổ 5 - Khu phố Phú Mỹ - Phường Tân Phú - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số	285049929
Trình độ học vấn	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		
Cấp ngày	4/04/2014 tại Bình Phước		

Quá trình công tác:

- Từ 01/2007 - 04/2013: Cán bộ Kỹ thuật Phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 05/2013 - 08/2014: Phó Đội trưởng Đội Xây Lắp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 09/2014 - 04/2017: Phó Đội trưởng Đội cấp nước Minh Hưng III Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 04/2017 - 22/11/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ ngày 22/11/2018 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc
---------------------------------------	--



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2018	5.800 cổ phần (Chiếm 0.0044% VDL)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

c) Ông Trần Ngọc Nguyên: Thành viên HĐQT

Ông Trần Ngọc Nguyên			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày/tháng/năm sinh	21/12/1989	Địa chỉ thường trú	Số 09, đường Bà Triệu, tổ 3, kp. Phước Thọ, phường Tân Thiện, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285191971	Cấp ngày: 24/06/2004
Trình độ học vấn	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Cử nhân Doanh nghiệp và đổi mới (Entrepreneurship and Innovation)		

Quá trình công tác:

Trợ lý giám đốc Công ty - Năm 2012 đến 2013: Trợ lý giám đốc Công ty TNHH Cầu Đường Đồng Phú.

Trợ lý giám đốc - Phát triển - Năm 2013 đến 2015: Trợ lý giám đốc - Phát triển kinh doanh Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Cổ Phần Kinh doanh BOT 741.

- Năm 2015 đến tháng 3/2017: Nhân viên phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật Sở xây dựng tỉnh Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	3.890.599,3 /11.115.998 cổ phần (chiếm 35%)
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

d) Bà Phạm Thị Loan – Thành viên HĐQT

Bà Phạm Thị Loan			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Hà Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Ngày/tháng/năm	05/8/1981	Địa chỉ thường trú	Số 69, Hẻm 585 - KP.Tân Trà 2 -P. Tân Bình -TX.Đông Xoài -
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285665681	Cấp ngày 24/08/2012
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh		

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2004 – tháng 11/2007: Kế toán tổng hợp Công ty cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ tháng 12/2007 – 22/11/2018: Kế toán trưởng Công ty cổ phần cấp thoát nước BìnhPhước.

- Từ 22/11/2018 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT – P.Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	10.000 cổ phần (chiếm 0,0076%VĐL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
---	-------

e) Ông Phan Huỳnh Tấn Hoàng – Thành viên HĐQT

Ông Phan Huỳnh Tấn Hoàng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Định
Ngày/tháng/năm sinh	21/02/1981	Địa chỉ thường trú	355 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 023595491	Cấp ngày 06/02/2009
Trình độ học vấn Kỹ sư quản trị công nghệ thông tin			

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008-2014: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- Từ 2014-2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần IBS.
- Từ năm 2016 – 01/4/2017: Giám đốc Khối xây dựng Công ty cổ phần SX-XD-TM và Nông Nghiệp Hải Vương.
- Từ 4/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Khối Xây dựng Công ty CP SX- XD – TM và NN Hải Vương
Số cổ phần đại diện vốn góp của Công ty cổ phần SX – XD – TM và NN Hải Vương	1.818.160 cổ phần (chiếm 13,77% VDL)
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2018	Không
Số cổ phần sở hữu của những người	Công ty cổ phần SX – XD – TM



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

liên quan đến thời điểm 31/12/2018	và NN Hải Vương. Số ĐKSH: 3800101115. Số CPSH: 1.818.160 cổ phần (chiếm 13,77% VDL)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2. Ban Kiểm soát.

Số TT	Họ và tên	Chức danh
1	Đỗ Tiến Thành	Trưởng ban
2	Lê Nhân	Thành viên
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên

a) Ông Đỗ Tiến Thành – Trưởng Ban Kiểm soát

Gới tính	Nam	Quê quán	Hòa Bình
Ngày/tháng/năm sinh	15/09/1982	Địa chỉ thường trú	KP. Phú Xuân, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số	Cấp ngày 12/6/2003
Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ kinh tế			

Quá trình công tác:

Từ 02/2006 - 06/2006: Chuyên viên kế toán Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bình Phước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Từ 07/2006 - 04/2015: Chuyên viên kế toán; tín dụng; tổ chức cán bộ Chi nhánh Ngân hàng phát triển Bình Phước.

- Từ 04/2015 - tháng 3/2017: Chuyên viên tín dụng Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bình Dương - Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2018	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Lê Nhân: Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Nhân			
Giới tính	Nam	Quê quán	Thành phố HCM



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Ngày/tháng/năm sinh	25/02/1977	Địa chỉ thường trú	A15.01 Chung cư 695 Âu Cơ, P Tân Thành, Q. Tân Phú – TP.HCM
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 225054893	Cấp ngày: 18/9/2010
Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế			

Quá trình công tác:

- Từ năm 20002 – 2001: Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH Suối Tiên.
- Từ 2002 đến 2011: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH TMDVSX CBTP Thành Công.
- Từ 2012-2014: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Nguyên Vũ.
- Từ 2015 đến nay: Trợ lý Giám đốc Tài chính Công ty CP SX XD RM & NN Hải Vương, Từ tháng 4/2018 đến nay là thành viên BKS Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trợ lý Giám đốc Tài chính Công ty CP SX XD TM & NN Hải Vương
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2018	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyên lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

c) Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Bình
Ngày/tháng/năm sinh	20/07/1982	Địa chỉ thường trú	KP Tân Trà 2 - Phường Tân Bình - TX Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285779220	Cấp ngày 01/12/2017 tại Bình Phước
Trình độ học vấn Cử nhân Kinh tế, thạc sỹ quản trị kinh doanh			

Quá trình công tác:

- Từ 01/2007 – 12/2008: Nhân viên Kế toán Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Phước.

- Từ 01/2009 – 12/2013: Kiểm soát viên kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 01/2014 đến 03/2017: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Hành chính Tổ chức Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Hành chính Tổ chức
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	5.800 cổ phần (Chiếm 0.0044% VDL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2018	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

**2.1.3 Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý
Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Lâm	Tổng Giám đốc
2	Trần Ngọc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Phạm Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc

- a) Ông Huỳnh Văn Lâm – Tổng Giám đốc
Xem Sơ yếu lý lịch tại thành viên HĐQT
- b) Bà Phạm Thị Loan – Phó Tổng Giám Đốc
Xem Sơ yếu lý lịch tại thành viên HĐQT
- c) Ông Trần Ngọc Nguyên – Phó Tổng Giám Đốc
Xem Sơ yếu lý lịch tại thành viên HĐQT

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban

điều hành trong năm).

Trong năm có sự biến động về nhân sự trong ban điều hành như sau:

a) Hội đồng quản trị:

- Ông Đỗ Văn Phong: Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Minh Bình (chuyển công tác) giữ chức Chủ tịch HĐQT;

- Bổ nhiệm Ông Huỳnh Văn Lâm - Phó Tổng giám đốc- Thành viên HĐQT giữ chức Tổng giám đốc;

- Bầu bổ sung Bà Phạm Thị Loan - Kế toán trưởng Công ty là Thành viên HĐQT và giữ chức Phó Tổng giám đốc.

b) Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS có sự thay đổi về nhân sự thành viên BKS đó là, Ông Lê Nhân được bầu bổ sung cho ông Võ Tuấn Kiệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 10/4/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ, nhân viên toàn Công ty đến hết 31/12/2018 là 105 người, trong đó:

- Cơ cấu lao động chia theo bộ phận, đơn vị trực thuộc:

STT	Bộ phận	Số người
1	Người quản lý	5
2	Văn phòng Công ty	24
	Phòng HC - TC	5
	Phòng KT - ĐT	6
	Phòng Kế toán	5
	Phòng TC - KH	3
	Phòng QLCN nước	3
3	Trung tâm kinh doanh	8
4	Xí nghiệp CN Đồng Xoài	29
	VP Xí nghiệp CN ĐX	4
	Vận hành XNCNĐX	8
	Lắp đặt đồng hồ ĐX	12

	Thu tiền nước	5
5	Xí nghiệp CN Minh Hưng	7
	VP Xí nghiệp MH	1
	Vận hành MH	6
6	Xí nghiệp CN Phước Long	21
	VP Xí nghiệp	6
	Lắp đặt PL	5
	Vận hành PL	8
	Thu tiền nước	2
7	Xí nghiệp thoát nước & XLNT	11
Tổng số lao động đến 31/12/2018		105

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

- Cơ cấu lao động theo các tiêu chí khác:

Cơ cấu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
1. Theo trình độ	105	100
- Trình độ đại học và trên đại học	35	33
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	34	32
- Trình độ khác	36	35
2. Theo Hợp đồng lao động	105	100
- Thuộc đối tượng không ký HĐLĐ (HĐQT, BKS)	5	4,7
- HĐLĐ không thời hạn	74	70,6
- HĐLĐ có thời hạn (1-3 năm)	26	24,7

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

b) Các chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo:

+ Công ty rất chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

năng chuyên môn nâng cao trình độ của người lao động.

+ Để đáp ứng được nhu cầu nhân lực, công ty đã ban hành quy trình tuyển dụng công khai, công bằng. Việc tuyển dụng lao động mới được xuất phát từ nhu cầu, kế hoạch sử dụng lao động, cụ thể: Sau khi kiểm tra hồ sơ lý lịch, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp được đào tạo, người lao động được tuyển dụng vào làm thử việc và kết quả được đánh giá khách quan bởi bộ phận tuyển dụng và cấp quản lý trực tiếp. Căn cứ vào kết quả nhận xét của bộ phận tuyển dụng và cấp quản lý trực tiếp, nếu đạt chuẩn thì người lao động được ký hợp đồng lao động chính thức vào làm việc tại Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

+ Trong các năm qua, Công ty luôn tạo điều kiện duy trì ổn định việc làm cho người lao động trong công ty. Mức lương bình quân của người lao động năm 2018 là 8.205.226 đồng/người/tháng.

+ Tổng số lao động sử dụng đến thời điểm 31/12/2018 là 105 người, chủ yếu là người lao động gắn bó lâu năm trong công ty. Mặc dù tình hình khó khăn nhưng đơn vị đã có nhiều cố gắng tạo việc làm ổn định và thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, chế độ BHXH, công tác BHLĐ, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức huấn luyện ATLĐ... cho người lao động theo đúng pháp luật lao động. Các công tác tuyển dụng, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ phép, tăng ca... thực hiện đúng quy định pháp luật và quy chế Công ty.

Trong năm Công ty đã xây dựng và ban hành các quy chế lương khoán và quy chế năng bậc lương, phiên lương cho người lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động Công ty.

Xây dựng đơn giá tiền lương chi trả cho người lao động Công ty năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt theo Công văn số 1013/UBND-KGVX ngày 19/4/2018.

Công ty thực hiện khoán lương cho Xí nghiệp xây lắp nhằm tạo động lực làm việc, tăng năng suất lao động và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

+ Mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm:

Năm	DVT	Mức lương bình quân
Năm 2016	Đồng	7.707.000
Năm 2017	Đồng	8.071.515



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Năm 2018	Đồng	8.205.226
----------	------	-----------

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

- Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Mặc dù năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lãi tuy nhiên do năm 2017 còn lỗ do đó mà công ty vẫn còn lỗ lũy kế (chưa hòa vốn) do đó Công ty chưa thực hiện chia cổ tức.

- Chính sách phúc lợi khác

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định. Công ty luôn chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động tạo động lực trong sản xuất và gắn tình đoàn kết tập thể lao động Công ty. Năm 2018 công ty chi thực hiện phúc lợi cho người lao động Công ty và ủng hộ các hoạt động phúc lợi xã hội khác với số tiền 994 triệu đồng:

+ Tổ chức cho người lao động Công ty đi khám sức khỏe định kỳ tại Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh số tiền 126 triệu đồng

+ Chi tiền cho người lao động đi nghỉ dưỡng, du lịch năm 2018 với số tiền 540 triệu đồng.

+ Chi thực hiện ủng hộ đồng bào ăn tết 50 triệu đồng,

+ Chi ủng hộ xây nhà tình thương 55 triệu đồng,

+ Chi ủng hộ trẻ em tiếp bước đến trường với số tiền là: 30 triệu đồng

+ Chi ủng hộ phòng chống thiên tai với số tiền là: 34 triệu đồng

+ Chi ủng hộ các quỹ, hội, đoàn thể... với số tiền 39 triệu đồng

+ Chi hỗ trợ tiền lễ ngày “Phụ nữ Việt Nam 20/10” cho lao động nữ của Công ty, hỗ trợ tiền lễ, tết dương lịch cho người lao động, hiếu hỷ... với số tiền 120 triệu đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm thực hiện theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của ngân sách nhà nước, tổng mức đầu tư là 323.934.447.000 đồng (trong đó: 270.000.000.000 đồng là từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới, 53.934.477.000 đồng là vốn đối ứng Ngân sách tỉnh). Các hạng mục của dự án đã hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng, khai thác và đã đem lại doanh thu cho Công ty.

- Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, công suất 10.000m³ ngày/đêm thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của ngân sách nhà nước, tổng mức đầu tư là 366.589.516.486 đồng (trong đó 316.184.643.044 đồng là từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới, 50.404.873.442 đồng là vốn đối ứng Ngân sách tỉnh). Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và cũng đã thực hiện bàn giao cho UBND thành phố Đồng Xoài quản lý, vận hành vào ngày 01/01/2019.

b) Các công trình XD/CB trong năm (nguồn Phòng KT-ĐT)

- Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty đang thực hiện thi công hoàn thành các công trình:

+ Đầu tư tuyến ống cấp nước giáo sư Long Điền – Phước Long giá trị 3.500 triệu đồng.

+ Mở rộng hệ thống cấp nước vào nhà Tầm – Phước Long giá trị 2.790 triệu đồng.

+ Đường ống cấp nước KCN Đồng Xoài 3 giai đoạn 1 giá trị 709 triệu đồng.

+ Tuyến ống cấp nước đường Lê Quý Đôn nối dài giá trị 689 triệu đồng.

+ Hệ thống quan trắc chất lượng nước tại ĐX và PL với giá trị quyết toán là 689 triệu đồng.

+ Hệ thống camera quan sát công ty giá trị quyết toán là 147 triệu đồng.

+ Lắp đặt thiết bị vận hành van giảm áp tự động tại ĐX giá trị quyết toán là 73 triệu đồng.

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thô và nước sạch tại nhà máy thị xã Phước Long, nhà máy KCN Minh Hưng III giá trị 54 triệu đồng.

+ Sửa chữa máy phát điện dự phòng Trạm bơm cấp 2 – nhà máy 20.000 m³/ngày đêm giá trị 94 triệu đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Đang thi công công trình Đường ống cấp nước Ấp 1B Tiên Thành với dự toán 408 triệu đồng.

Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần giúp Công ty ngày càng cung cấp tốt hơn nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng của khách hàng, chất lượng, sản lượng nước sạch ngày được đảm bảo, góp phần bảo vệ sức khỏe người dân, bảo vệ môi trường và góp phần vào hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị tỉnh Bình Phước.

c) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018
TÀI SẢN			
A	Tài sản ngắn hạn	126.625.711.364	113.438.668.984
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.153.507.395	12.077.243.194
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	56.858.633.919
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.405.256.337	10.896.914.612
4	Hàng tồn kho	7.183.382.713	8.071.093.246
5	Tài sản ngắn hạn khác	47.883.564.919	25.534.784.013
B	Tài sản dài hạn	564.012.975.934	575.118.761.629
1	Tài sản cố định	258.412.275.618	299.769.437.239
2	Tài sản dở dang dài hạn	302.275.123.631	267.839.551.656
3	Tài sản dài hạn khác	3.325.576.685	7.509.772.734



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Tổng cộng tài sản		690.638.687.298	688.557.430.613
NGUỒN VỐN			
A	Nợ phải trả	315.751.367.802	303.412.833.153
1	Nợ ngắn hạn	72.239.625.815	49.791.236.699
2	Nợ dài hạn	243.511.741.987	253.621.596.454
B	Vốn chủ sở hữu	374.887.319.496	385.144.597.460
Tổng cộng nguồn vốn		690.638.687.298	688.557.430.613

Nguồn: Phòng Kế toán

Từ bảng số liệu trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty ổn định và chủ động trong việc thanh toán các khoản nợ vay, bảo toàn và phát triển được vốn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cụ thể:

+ Hệ số bảo toàn vốn $H = \text{Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2018} / \text{Vốn CSH tại thời điểm 01/01/2018} = 385.145 / 374.887 = 1,02$. Công ty vẫn bảo toàn và phát triển được vốn.

+ Tổng tài sản (Nguồn vốn) năm 2018 giảm 2.081 triệu đồng so với 2017 gồm: Tài sản ngắn hạn năm 2018 giảm 13.187 triệu đồng, tài sản dài hạn tăng 11.106 triệu đồng so với năm 2017.

+ Vốn bằng tiền và tương đương tiền của công ty tại 01/01/2018 là 22.154 triệu đồng, đến 31/12/2018 vốn bằng tiền và tương đương tiền là 12.077 triệu đồng giảm 10.077 triệu đồng. Nguyên nhân: Trong năm 2018, dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 76.987 triệu đồng và hoạt động tài chính là 3.723 triệu đồng trong khi đó dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư là 69.881 triệu đồng, dẫn đến vốn bằng tiền và tương đương tiền giảm 1 khoản là 10.077 triệu đồng. Đây không phải là dấu hiệu nguy cơ mất cân bằng tài chính mà dòng tiền đã dùng để thanh toán các khoản nợ phải trả, do đó khoản tiền và tương đương tiền của Công ty còn ở mức độ tự chủ cao.

+ Tài sản tài sản cố định tại thời điểm 01/01/2018 là 258.412 triệu đồng, đến 31/12/2018 là 299.769 triệu đồng, tăng lên 41.357 triệu đồng. Nguyên nhân trong năm các công trình xây dựng cơ bản dở dang đã hoàn đưa vào sử dụng và kết chuyển thành tài sản cố định hữu hình và mua sắm tài sản trong năm.

+ Tài sản dở dang dài hạn (chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang) giảm từ 302.275 triệu đồng tại thời điểm 01/01/2018 đến 31/12/2018 giảm còn

267.840 triệu đồng, giảm 34.435 triệu đồng tương ứng 11% . Nguyên nhân trong năm Công ty hoàn thành thi công các công trình xây dựng dở dang đưa vào sử dụng chuyển từ tài sản dở dang sang tài sản cố định hữu hình.

+ Nợ phải trả giảm so với thời điểm 01/01/2018 là 12.338 triệu đồng, tương ứng 3%. Nguyên nhân chính là trong năm Công ty đã thanh toán khoản nợ ngắn hạn đến hạn trả người bán là 30.552 triệu đồng, tương ứng giảm 60% so với đầu năm, khoản nợ vay dài hạn có tăng 10.110 triệu đồng (tương ứng 4%) so với đầu năm 2018 (đó là khoản vay của Ngân hàng thế giới thanh toán cho các gói thầu còn lại của dự án nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm). Mặc dù nợ phải trả chiếm 44% trong tổng nguồn vốn của Công ty nhưng Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản thời điểm 31/12/2018 là 0,44 >0. Điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty ở mức chủ động cao.

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	1,75	2,27
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,31	2,11
	<i>Khả năng thanh toán lãi vay = Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Lãi vay phải trả</i>	Lần	0,8	1,01
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,46	0,44
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,84	0,79
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,28	0,012



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,09	0,11
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	HS lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	-4,89	0,004
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,80	0,0007
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,43	0,0004
	Lợi nhuận hoạt động KD/DT thuần	%	-4,17	-0,003

Nguồn: phân tích HCTC - BPW

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn của cả 2 năm đều >1 , điều này nói lên tình trạng tài chính ngắn hạn của một Công ty lành mạnh. Năm 2018 cao hơn so với năm 2017 và tăng 29%, hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán công nợ càng cao cho thấy khả năng đáp ứng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao, Công ty đang rất chủ động trong việc thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

+ Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm 2018 đều tăng so với năm 2017 và hầu hết đều nhỏ $<1 > 0$. Điều này chứng tỏ Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, mặc dù Công ty đã đi vay đầu tư (vay vốn ODN của Ngân hàng thế giới đầu tư dự án Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm với tổng dư nợ vay đến 31/12/2018 là 253.003 triệu đồng, chiếm 83% tổng nợ phải trả), tuy nhiên nguồn lực tài chính của Công ty luôn đảm bảo an toàn và tự chủ cao.

+ Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2017 và năm 2018 ổn định và ít biến chuyển. Điều này cho thấy hiệu quả của việc sử dụng vốn, sử dụng tài sản và hàng tồn kho của Công ty ổn định và an toàn.

+ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 đều tăng so với năm 2017 và đều $<1 > 0$. Mặc dù các chỉ tiêu về khả năng sinh lời thấp nhưng đây không phải là biểu hiện đáng lo ngại. Sở dĩ các chỉ tiêu này đều tăng hơn so với 2017 và >0 so với năm trước là vì nguyên nhân: Mặc dù Công ty phải gánh khoản chi phí khấu hao tài sản cố định tăng cao (do giá trị tài sản định giá lại tăng cao và do đưa dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài đi vào hoạt động, tài sản tăng, chi phí khấu hao tăng), chi phí lãi vay của dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài khá cao, chiếm 22 % tổng chi phí, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt mức chương trình 5.000 đồng hồ đã làm tăng sản lượng nước, tăng doanh thu góp phần làm giảm lỗ và bước đầu đem lại lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

nhuận 87 triệu đồng, do vậy mà các chỉ tiêu sinh lời năm 2018 đã không âm (-) nữa mà đều lớn >0.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán: BPW

Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 132.038.580 cổ phần, trong đó:

- Cổ phần Nhà nước: 11.115.998 cổ phần tương ứng 84,19 %

- Cổ phần nhà đầu tư chiến lược: 1.818.160 cổ phần tương ứng 13,77 %

- Cổ phần của người lao động công ty: 236.600 cổ phần tương ứng 1,79%

- Cổ phần của nhà đầu tư khác: 33.100 cổ phần tương ứng 0,25%

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 1.965.860 cổ phần phổ thông. Trong đó, có 1.818.160 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm của nhà đầu tư chiến lược từ ngày 01/04/2017 đến 01/04/2022 và 147.700 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc của từng người lao động Công ty.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

b) Cơ cấu cổ đông đến 31/12/2018

Số tt	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
----------	--------------	-------------	----------------------	---------	---------------------------



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

I	Cổ đông trong nước	96	13.203.858	132.038.580.000	100
1	Cá nhân	94	269.700	2.697.000.000	2,04
2	Tổ chức	2	12.341.158	129.341.580.000	97,96
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		96	13.203.858	132.038.580.000	100

Nguồn: DSCĐ chốt ngày 01/4/2019 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2018

Số tt	Tên cổ đông	Số ĐKK D/CT	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	UBND tỉnh Bình Phước		Đường 6/1, P.Tân phú, TX.Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	11.115.998	84,19
2	Công ty Cổ phần SX - TM - XD và Nông nghiệp Hải Vương	3800101115	Khu nhà điều hành, khách sạn, P Hưng Chiến, TX Bình Long, Bình Phước	1.818.160	13,77
Tổng cộng				12.934.158	97,96

Nguồn: DSCĐ chốt ngày 01/4/2019 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tại đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 ngày 22/11/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông nhà nước để tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước, tăng vốn điều lệ từ 107.720.000.000 đồng lên 132.038.580.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Stt	Nguyên nhiên vật liệu	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)
1	Vôi	34,735	135,705,558
2	PAC	65,219	854,123,841
3	Clo	10,714	150,886,716
Tổng giá trị sử dụng nguyên liệu			1,140,716,115

Nguồn: Phòng Kế toán

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không phát sinh

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện năng tiêu thụ 2018

Đối tượng	Đơn vị tính	Số lượng
Sản lượng tiêu thụ	KW	3,367,983
Giá trị tiêu thụ	Triệu đồng	5,663,300,371

Nguồn: Phòng Kế toán

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. *Không có*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp: Công ty lấy nguồn nước thô từ các hồ: Hồ Đồng Xoài, Hồ nước Thủy điện Thác Mơ và nguồn nước ngầm từ giếng khoan (Minh Hưng).

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Trong năm 2018 công ty đã sử dụng và tái sử dụng nước khoảng 2% trên tổng sản lượng nước thương phẩm, tương đương với 139,196 m³ nước

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không phát sinh

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không phát sinh

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số người lao động của công ty đến ngày 31/12/2018 là 105 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 8.205.226 đồng/người tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty có chính sách hàng năm cho người lao động khám sức khỏe định kỳ.

- Mua sắm bảo hộ lao động cho người lao động công ty 1 năm 2.000.000 đồng/người/năm.

- Tổ chức cho người lao động đi tập huấn an toàn lao động.

- Hỗ trợ cho người lao động còn khó khăn trong Công ty

- Tổ chức thăm nom, ốm đau, hiếu hỷ đến người lao động Công ty và người thân của người lao động....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không phát sinh

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không phát sinh



6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

- Trong năm Công ty đã hỗ trợ đồng bào ăn tết với số tiền: 50 triệu
- Chi xây nhà tình thương 30 triệu đồng.
- Chi ủng hộ phòng chống thiên tai 113 triệu đồng (trong đó: 100 triệu đồng do Công ty ủng hộ, 13 triệu đồng do người lao động Công ty ủng hộ)
- Chi cho các hoạt động hiếu hỷ, ủng hộ các quỹ, các hoạt động phúc lợi khác: 120 triệu đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018

-Thuận lợi:

+ Tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty đoàn kết, quyết tâm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 10/4/2018.

+ Việc áp dụng, nâng cao công nghệ thông tin vào trong công tác ghi thu, quản lý hệ thống mạng đường ống nước đã đem lại hiệu quả rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Giá nước sạch được điều chỉnh tăng theo lộ trình tại Quyết định 30/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Bình Phước góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty;

+ Việc hoàn thành chương trình 5.000 đồng hồ góp phần không nhỏ trong việc tăng doanh thu, giảm lỗ cho Công ty.

+ Mạng lưới đường ống cấp nước đã được mở rộng (38.518m) trên địa bàn Công ty quản lý góp phần tăng số lượng khách hàng sử dụng nước, giúp sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển.

+ Chất lượng, sản lượng nước ngày càng đảm bảo tạo niềm tin cho khách hàng cũng là yếu tố thuận lợi khi Công ty tuyên truyền vận động người dân sử

tăng cường sử dụng nước máy của Công ty.

+ Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được nâng cao, chuyên nghiệp hơn đã góp phần làm hài lòng khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty.

- Khó khăn:

+ Công tác thoái vốn nhà nước tại Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thủ tục hành chính dẫn đến chậm trễ về thời gian xác định giá trị doanh nghiệp cũng như các bước thoái vốn theo kế hoạch thoái vốn đã đề ra.

+ Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước còn ở mức cao trên 20%

+ Việc sử dụng nguồn nước dưới đất tại các khu công nghiệp còn phổ biến, chiếm từ 30-70% khối lượng;

+ Lãi và phí từ nguồn vốn vay ODA dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài phát sinh cao làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Khó khăn, thách thức biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nước đầu vào làm tăng chi phí nguyên vật liệu như vôi, phèn...

b) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước thương phẩm	M ³	6,800,000	6,959,822	102
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	74.900	81.236	108
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	79.000	81.149	102
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	-4.100	87	203
5	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	-1,04	0,0002	
6	Nộp NSNN	Tr.đồng	5.300	6.367	140

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước.

c) Đánh giá kết quả thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Từ kết quả đạt được như trên cho thấy sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể người lao động Công ty, sự lãnh đạo sáng suốt, dám nghĩ dám của lãnh đạo Công ty đã đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch UBND tỉnh giao, cụ thể:

- Sản lượng nước thương phẩm thực hiện vượt 2% so với kế hoạch được giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Có được kết quả này, Công ty đã có sự đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước 38.518m, tăng cường công tác tiếp thị lắp đặt đồng hồ, công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng. Nhất là chất lượng nước ngày càng ổn định đã tạo niềm tin và an tâm cho khách hàng khi sử dụng nước sạch do Công ty cung cấp.

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt 108 % vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 là 8%. Nguyên nhân là do sản lượng nước tăng từ việc phát triển hệ thống mạng đường ống nước, hoàn thành vượt mức chương trình 5.000 đồng hồ (năm 2018 phát triển được 5.027 khách hàng mới), chất lượng, sản lượng nước ngày càng đảm bảo nên người dân tin và sử dụng ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã ký hợp đồng thu hộ tiền nước với ngân hàng Vietinbank đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng khi thanh toán tiền nước. Mặt khác việc áp dụng hóa đơn điện tử, ghi thu bằng Smartphone đã góp phần quản lý ghi thu tiền nước của khách hàng càng chặt chẽ, tránh thất thoát...

- Từ những kết quả trên, năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi 87 triệu đồng tăng 202 % so với kế hoạch tại Đại hội đồng cổ đông thường niên giao là lỗ 4.100 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Các chỉ tiêu tài sản của Công ty năm 2018. ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Tổng tài sản	690.639	688.557
2	Tổng nguồn vốn, trong đó:	690.639	688.557
3	Lợi nhuận sau thuế	(3.088)	87



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	(0.43%)	0,0002%
---	---	---------	---------

Nguồn phân tích: KT

Từ những số liệu trên cho thấy, tổng tài sản của Công ty giảm 0,1 lần so với đầu kỳ, nguyên nhân trong năm Công ty đã bàn giao nhà máy 4.800m³/ngày đêm với toongr giá trị còn lại tại thời điểm 31/8/2018 là 3.440 triệu đồng, đã làm giảm giá trị tài sản cố định là 3.440 triệu đồng, ngoài ra Tài sản ngắn hạn trong năm giảm xuống 13.187 triệu đồng khoản tiền giảm dùng để thanh toán các khoản nợ phải trả trong kỳ (nợ phải trả năm 2018 giảm 12.338 triệu đồng so với năm 2017), trong khi tài sản dài hạn tăng 11.106 triệu đồng, do đó làm cho tổng tài sản năm 2018 giảm so với tổng tài sản năm 2017. Lợi nhuận sau thuế lãi 87 triệu đồng, tăng so với năm 2017 là 203% đây là dấu hiệu tốt cho thấy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước)	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	205.844.906.954	243.350.359.586	253.322.546.910
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước(1)	7.049.733.798	5,483,123,798	3,916,513,798



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Bộ Tài Chính(2)	198.795.173.156	237.867.235.788	249,086,033,112
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.566.610.000	1.566.610.000	7,049,733,798
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	205.844.906.954	243.350.359.586	253,002,546,910

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017,2018,của Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Bình Phước được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 01-2005/PLHD-ODA ngày 07/10/2005 với các điều kiện chi tiết như sau:

- Tổng tiền vay: 26.632.358.798 VNĐ
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án: “Hiện đại hóa hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài – Tỉnh Bình Phước”
- Thời hạn vay: 25 năm. Trong đó thời gian ân hạn là 8 năm và thời gian trả nợ là 17 năm
- Lãi suất cho vay: 0%, phí quản lý là 0,2%/năm, tính trên số dư thực tế
- Kỳ trả nợ: ngày 30/06 và 31/12 hằng năm
- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 3,916,513,798 VND; Trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 1.556.610.000 VNĐ

(2) Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp nước Bình Phước ngày 18/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA với các điều kiện chi tiết như sau:

- Mục đích: Tài trợ vốn cho Tiểu dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài trong khuôn khổ Dự án Cấp nước và nước thải Đô thị Việt Nam.

- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 270 tỷ đồng, tương đương 13.846.355 USD.

- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 25 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó 5 năm ân hạn, thực thi theo 40 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Lãi suất: 6,75%/năm và phí quản lý 0,2%/năm trả lãi vào ngày 15/05 và 15/11 hằng năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay.

- Số dư nợ tại ngày 31/12/2018 là 249,086,033,112 VND.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty đã chuyển sang hoạt động với mô hình công ty cổ phần đã được gần 2 năm. Trong gần 2 năm hoạt động với mô hình mới, Công ty đã có những chuyển đổi về cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại nhân sự nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và phát huy hết tiềm năng về nguồn nhân lực của Công ty hiện có. Cụ thể Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết/ Quyết định về tổ chức như sau:

- Ban hành Quy chế lương khoán cho người lao động nhằm tăng năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty (Quyết định số 113a/QĐ-BPW ngày 30/3/2018).

- Ban hành quy chế nâng lương và chuyển xếp ngạch lương cho người lao động (Quyết định số 392/QĐ-BPW ngày 27/12/2018) nhằm khuyến khích người lao động trong lao động sản xuất kinh doanh.

Và các Nghị quyết, quyết định khác nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không phát sinh

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Công ty chấp hành đúng theo quy định Nhà nước về bảo vệ môi trường.

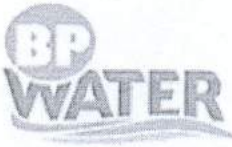
a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo đúng quy định: Chế độ bảo hiểm, thai sản, ốm đau, an toàn lao động...các chế độ khác liên quan đến người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng, với địa phương. Hàng năm Công ty đóng góp và ủng hộ các tổ chức trên địa bàn tỉnh như: Hội Doanh nghiệp trẻ, Đảng, đoàn khối doanh nghiệp tỉnh..., cụ thể:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Hỗ trợ kinh phí Hội cựu chiến binh Khối doanh nghiệp tỉnh: 5.000.000 đồng
- Ủng hộ Đại hội Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh: 5.000.000 đồng
- Đóng góp quỹ Khối thi đua số 9: 5.000.000 đồng
- Ủng hộ quỹ “xây nhà tình thương”: 30.000.000 đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2018, Tình hình sản xuất kinh doanh nước ngày càng có sự biến chuyển tích cực về số lượng và chất lượng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã bắt đầu có lãi (lãi 87 triệu đồng) so với kế hoạch được giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 lỗ 4.100 triệu đồng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và sản xuất kinh doanh đã đem lại hiệu quả tốt. Công tác sản xuất, thi công đảm bảo theo đúng quy trình, chất lượng do Bộ Y tế quy định, đảm bảo về chất lượng và an toàn nước sạch cho người dân sử dụng, đồng thời còn góp phần bảo vệ môi trường địa phương nơi Công ty hoạt động

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Mặc dù trong năm 2018 có sự thay đổi về nhân sự song Ban Tổng giám đốc đã kịp thời chỉ đạo và có nhiều sáng tạo, mạnh dạn trong lãnh đạo tập thể người lao động Công ty, điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra kế hoạch và định hướng hoạt động trong năm 2019 như sau:

a) Định hướng trong năm 2019:

- Chủ đề năm: Chống thất thoát, chống thất thu
- Chỉ tiêu năm: Giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 20,6% năm 2018 xuống dưới 19% trong năm 2019.
- Chỉ tiêu năm 2019: Khôi phục 2.600 khách hàng không phát sinh chỉ số.
- Giám sát thất thoát nước sạch.
- Giảm tối đa lượng đồng hồ không phát sinh chỉ số.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

b) Kế hoạch (chương trình) hoạt động của HĐQT năm 2019:

Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<p>1. Duyệt các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm; - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; - Báo cáo kiểm soát năm; - Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; - Chiến lược mục tiêu trung hạn 2019 -2021. - Chỉ tiêu kế hoạch 2019; - Chọn kiểm toán 2019; - Công tác đầu tư, mua sắm của công ty; - Các nội dung khác (nếu có). <p>2. Kiện toàn hoạt động công ty;</p> <p>3. Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức.</p> <p>4. Tình hình tài chính thu, chi của Công ty;</p>	<p>1. Nghe báo cáo tình hình điều hành hoạt động Công ty của Tổng giám đốc theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có);</p> <p>3. Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức;</p> <p>4. Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động;</p> <p>5. Tình hình tài chính thu, chi của Công ty</p>	<p>1. Nghe báo cáo tình hình điều hành hoạt động Công ty của Tổng giám đốc theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có);</p> <p>3. Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức;</p> <p>4. Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động;</p> <p>5. Tình hình tài chính thu, chi của Công ty</p>	<p>1. Hội đồng quản trị nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính.</p> <p>2. Nghe báo cáo tình hình hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Nghe dự báo tổng kết năm và kế hoạch năm tiếp theo (Tổng giám đốc phải hoàn thành báo cáo này chậm nhất ngày 30/11 của năm).</p> <p>4. Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có);</p> <p>5. Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức;</p> <p>6. Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động; công tác thi đua, khen thưởng;</p> <p>7. Dự hội nghị lao động, phát động các phong trào năm tiếp theo.</p> <p>8. Họp thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020</p>

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước năm 2018:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018:

- Kèm theo Báo cáo tài chính được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền; Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; Báo cáo kiểm toán.

- Tất cả các báo cáo trên đã được gửi cho UBCK Hà Nội, trên Website của Công ty: www.bpwaco.com.vn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



Dỗ Văn Phong